TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-ST
Ngày: 09/8/2023.
V/v: *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên**.

Các hội thẩm nhân dân: + Bà **Trần Thị Hằng**;

+ Bà **Ngô Thị Luân.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Phan Khắc Duy** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh -** Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 98/2023/TLST- DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn B, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Đồng Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ S tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ S tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Thế D, sinh năm 1967. Địa chỉ: thôn B, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa: bà Acó mặt; bà B, bà C, ông Dcó đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Huỳnh Thị A trình bày: Vào khoảng tháng 4/2022, bà và chị em Bà Phạm Thị B, Phạm Thị C có giao dịch mua bán kén với nhau. Qua đó, bà bán kén cho hai chị em bà B, bà C và

hai bà B, Dịu trả tiền cho bà. Quá trình mua bán kén, bà B, bà C còn nợ bà số tiền đến ngày 1/7/2022 là 487.650.000 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và hứa sẽ trả hết nợ trong tháng 7/2022. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ nhưng hai bà không thực hiện, sau nhiều lần nhắc nhở thì đến ngày 8/9/2022 bà C mới chuyển trả 30.000.000 đồng, còn lại số tiền 457.650.000 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) chưa trả nợ cho bà. Bà đã yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng bà B, bà C không trả cho bà. Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị C phải liên đới thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 457.650.000 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Đối với khoản tiền lãi bà không yêu cầu trả. Ngoài ra bà Akhông có yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/6/2023, nguyên đơn Bà Phạm Thị C trình bày: Bà chỉ là người làm thuê cho chị gái bà là Bà Phạm Thị B. Trong thời gian từ tháng 4/2022 đến khoảng tháng 7/2022, bà có đi chở kén từ nhà Bà Huỳnh Thị A về xưởng ươm tơ cho bà B theo yêu cầu của bà B. Bà chở nhiều lần, số lượng kén cụ thể là bao nhiêu thì bà không nhớ vì số lượng và tiền bạc, sổ sách là do bà B và bà Alàm việc tính toán với nhau, giao dịch cụ thể giữa bà B và bà Acụ thể như thế nào bà không rõ. Tuy nhiên theo bà được biết là sau khi tính toán chốt sổ mua bán kén thì bà B còn nợ lại bà Asố tiền là 487.650.000đ. Đến ngày 14/8/2022, bà Acó đến nhà bà năn nỉ bảo bà viết giấy khất số nợ trên đến đầu tháng 9/2022 sẽ có trách nhiệm trả dần cho bà A, do là chỗ chị em nên bà có viết nội dung trên giấy và có ký xác nhận "C" vào nội dung giấy xác nhận cho bà A, bà viết giấy cho chị bà là bà B. Nay bà Ayêu cầu bà B trả số tiền 457.650.000đ thì bà không đồng ý vì bà chỉ là người làm thuê cho bà B, chở kén thuê cho bà B. Đồng thời bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/6/2023, nguyên đơn Bà Phạm Thị B trình bày: Vào khoảng đầu tháng 4/2022 đến tháng 7/2022, bà có mua kén của Bà Huỳnh Thị A, bà có nhờ bà C đi chở kén từ nhà bà Avề xưởng ươm tơ cho bà. Sau khi hai bên chốt sổ sách vào ngày 01/7/2022 thì bà xác nhận còn nợ bà Asố tiền 487.650.000đ, thỏa thuận trả 3 lần. Ngày 10/7/2022 trả lần 1, còn lại trả dần, lần tiếp theo trả trong tháng 7/2022 trả hết cho bà A. Do làm ăn gặp khó khăn nên bà chưa trả hết số tiền trên cho bà Amà vào ngày 08/9/2022 bà mới trả được 30.000.000đ, còn lại số tiền 457.650.000đ bà chưa trả cho bà Ađược do hiện nay bà làm ăn gặp khó khăn. Trong giấy mua bán thể hiện nội dung "Trả hết cho anh chị" thật ra việc mua bán là giữa bà với bà Akhông liên quan đến ông D(chồng bà A). Chữ ký và chữ viết vào ngày 01/7/2022 trên giấy xác nhận do nguyên đơn cung cấp là do bà viết và ký. Theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có nội dung "*14/8 487.650.000đ là đầu tháng....Dịu*" là chữ ký, chữ viết của em bà là bà C, bà C chỉ viết giúp bà vì bà Aép viết nên bà C mới viết chứ thực tế là bà nợ bà A, khoản nợ trên không liên quan đến bà C, bà C chỉ làm thuê cho bà. Nay, bà Ayêu cầu bà và bà C trả cho bà Asố tiền 457.650.000đ thì bà không đồng ý vì chỉ bà nợ bà Akhông liên quan đến bà C, bà đồng ý trả cho bà Asố nợ trên. Tuy nhiên do hoàn cảnh bà khó khăn nên bà không có tiền trả, khi nào có tiền thì bà sẽ trả dần cho bà A. Đồng thời bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đoàn Thế D trình bày: Việc mua bán kén và giao dịch giữa vợ ông là Bà Huỳnh Thị A và Bà Phạm Thị B, Phạm Thị C không liên quan đến ông. Do đó khi Tòa án giải quyết đề nghị Tòa án buộc bà B, bà C trả nợ cho vợ ông. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án. Đồng thời Ông Đoàn Thế D đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không có mặt đầy đủ nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Axác định từ ngày bà khởi kiện đến nay thì bà B đã trả cho bà được thêm số tiền là 14.000.000đ hiện còn nợ lại 443.650.000đ nên bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà B, bà C cùng trả cho bà số tiền còn lại là 443.650.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của các bên đương sự. Đồng thời, căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Huỳnh Thị A về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* với Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị C. Buộc Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị C phải trả cho Bà Huỳnh Thị A số tiền gốc là 443.650.000đ. Trong đó Bà Phạm Thị B phải trả 221.825.000đ, bà Phạm Thị C phải trả 221.825.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Huỳnh Thị A đối với yêu cầu về số tiền 14.000.000đ

Về án phí: Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đồng bị đơn Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị C vắng mặt và có lời khai đề nghị giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đoàn Thế D vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt đồng bị đơn Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đoàn Thế D theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ việc Bà Huỳnh Thị A cho rằng Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị C có mua kén tằm của bà và còn nợ bà số tiền mua kén tằm chưa thanh toán. Bà Huỳnh Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Phạm Thị B, Bà Phạm Thị C phải trả cho bà số tiền còn nợ chưa thanh toán nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự về việc:

"Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản". Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Theo lời khai của bà B, bà C thì bà B, bà C thừa nhận có việc mua bán kén tằm của bà Avà bà B, bà C đã viết giấy nhận nợ bà Asố tiền 487.650.000đ và có hẹn thời hạn trả nợ. Tuy nhiên bà B, bà C đều cho rằng bà B là người trực tiếp mua kén tằm của bà A, còn bà C chỉ là người làm thuê cho bà B nên số tiền trên là bà B nợ bà A. Qua xem xét tại giấy ghi nợ do nguyên đơn cung cấp thì bà B xác nhận có nợ bà Asố tiền là 487.650.000đ; và nội dung ghi "*14/8 487.650.000đ từ đầu tháng 9 sẽ có trách nhiệm trả dần cho anh chị cho đến hết số tiền nợ*" bà C thừa nhận bà viết và ký chữ C nhưng bà cho rằng bà Aép buộc bà. Tuy nhiên, bà C không có chứng cứ chứng minh việc bà bị bà Aép phải ký nhận nợ. Như vậy thể hiện bà C cũng đã trực tiếp ký nhận nợ với bà A. Bên cạnh đó thì bà C cũng thừa nhận trong thời gian hai bên mua bán kén tằm với nhau thì bà C đã nhiều lần trực tiếp đến nhà bà Achở kén. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà B, bà C cùng tham gia mua kén tằm của bà Avà còn nợ bà Asố tiền trên. Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà A, buộc bà B, bà C cùng có trách nhiệm trả tiền cho bà Alà phù hợp.

[3.2]. Tại đơn khởi kiện bà Axác định tính đến ngày 01/7/2022, bà B, bà C còn nợ bà số tiền 487.650.000đ thì bà C có chuyển trả cho bà được 30.000.000đ nên bà Akhởi kiện bà B, bà C yêu cầu trả số tiền còn lại là 457.650.000đ. Tại phiên tòa, bà Axác định sau khi bà khởi kiện thì bà B có chuyển trả cho bà được 7 lần, mỗi lần 2.000.000đ, tổng cộng 14.000.000đ nên bà Axin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.000.000đ, bà yêu cầu bà B, bà C phải trả số tiền còn lại là 443.650.000đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận. Do vậy, cần buộc bà B, bà C phải cùng liên đới trả cho bà Asố tiền 443.650.000đ, trong đó bà B trả số tiền là 443.650.000đ : 2 = 221.825.000đ, bà C phải trả số tiền 443.650.000đ : 2 = 221.825.000đ. Đối với phần yêu cầu khởi kiện bà Axin rút thì cần xem xét đình chỉ là phù hợp.

[3.3]. Bà B, bà C cho rằng khoản nợ trên là bà B nợ bà A, bà C chỉ là người làm thuê cho bà B thì bà B với bà C có quyền tự thương lượng giải quyết với nhau, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án kiện dân sự khác.

[3.4]. Đối với khoản tiền lãi bà Akhông yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xém xét.

[4] *Về án phí*:

Bà B, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 430; Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Thị A về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* với đồng bị đơn Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị C.

Buộc Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị C phải liên đới trả cho Bà Huỳnh Thị A số tiền là 443.650.000đ (Bốn trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó chia theo phần cụ thể như sau:

+ Bà Phạm Thị B trả cho Bà Huỳnh Thị A số tiền là 221.825.000đ (Hai trăm hai mươi mốt triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

+ Bà Phạm Thị C trả cho Bà Huỳnh Thị A số tiền là 221.825.000đ (Hai trăm hai mươi mốt triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. *Về án phí:*

Buộc Bà Phạm Thị B phải nộp 11.091.000đ (Mười một triệu không trăm chín mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Bà Phạm Thị C phải nộp 11.091.000đ (Mười một triệu không trăm chín mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Bà Huỳnh Thị A 11.153.000đ (Mười một triệu một trăm năm mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí Bà Huỳnh Thị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013495 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà**.**

3. *Về quyền kháng cáo*: Bà Huỳnh Thị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/8/2023). Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị C, Ông Đoàn Thế D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Kiên